



xiàng yá

象牙

noun · ivory

Example Sentences

Zhè ge diāo kè shì yòng xiàng yá zuò de
这个雕刻是用象牙做的。

This carving is made of ivory.

Fēi fǎ xiàng yá mào yì duì dà xiàng de shēng cún gòu chéng yán zhòng wēi xié
非法象牙贸易对大象的生存构成严重威胁。

Illegal ivory trade poses a serious threat to
the survival of elephants.

Trace each character, then write the word on your own.

象	象	象	象	象	象	象	象	象	象	象
象	象	象								

牙	牙	牙	牙	牙	牙	牙				
